

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-PT
Ngày: 17-9-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay TS

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Bà Mai Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Hường

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/TCDS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2019/QĐXX-PT ngày 05/9/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Mai Thị L, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Xóm 7 - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định

- Người đại diện theo ủy quyền của Bà Mai Thị L: Ông Trình Kiên C, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Số 132 đường N - thị trấn V - huyện T - thành phố Hà Nội

+ Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1986 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980

Đều trú tại: Xóm 6 - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Vũ Thị H:* Luật sư Trần Đức T - Công ty Luật TNHH Hùng Thắng thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

+ **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Xóm 7 - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định

+ **Người kháng cáo:** Bị đơn Bà Vũ Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Bà Mai Thị L trình bày: Do hai bên gia đình có quen biết nhau, ngày 10/3/2016 Bà Vũ Thị H có đến nhà bà hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng tiền mặt về để sửa chữa nhà cửa và mua dụng cụ đi biển thời hạn vay hai tháng. Vì tình cảm và tin tưởng nên vợ chồng bà có đồng ý có vợ chồng bà H vay 100.000.000 đồng. Khi vay bà là người bàn giao tiền cho bà H nhận và bà H là người viết giấy biên nhận vay nợ ghi rõ số tiền vay, thời hạn trả nợ, trách nhiệm khi không thanh toán nợ, và đưa bà L giữ bản gốc, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng. Đến thời gian trả nợ trong giấy biên nhận vay nợ, bà L có đến nhà vợ chồng bà H đòi tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nhưng vợ chồng bà H khất lần và không có thiện chí trả nợ. Do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H, ông C phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, bà không yêu cầu trả tiền lãi.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn Bà Vũ Thị H trình bày: Bà công nhận đúng là ngày 10/3/2016 gia đình bà có nhu cầu tu sửa nhà cửa và mua sắm ngư cụ đánh cá, vợ chồng bà có bàn bạc đi vay nợ về để lo việc nhà nên bà có đến nhà vợ chồng ông T, bà L hỏi vay tiền. Khi hỏi vay, ông T đồng ý cho vợ chồng bà vay số tiền 100.000.000 đồng, ông T yêu cầu bà tự viết một giấy biên nhận vay nợ, bà đồng ý viết giấy biên nhận vay nợ xong và đọc lại cho ông T nghe, ông T đồng ý với nội dung trong giấy biên nhận vay nợ. Trước khi giao tiền vay, ông T có nói tiền lãi là 1.500đ/1 triệu/ngày nhưng không viết tiền lãi trong giấy biên nhận vay nợ. Bà thấy tiền lãi cao quá nên quyết định không vay nữa. Sau đó bà đi về thì quên không cầm lại giấy biên nhận vay nợ bà đã viết. Nay bà L khởi kiện vợ chồng bà, bà không đồng ý trả nợ với lý do không ký tên ở cuối giấy biên nhận vay nợ ngày 10/3/2016 và thực tế bà cũng chưa nhận số tiền 100.000.000 đồng từ ông T, bà L. Bà H không có tài liệu, chứng cứ gì nộp cho Tòa án để chứng

minh việc ông T, bà L chưa giao tiền cho bà, do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 19/02/2019 ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông hoàn toàn nhất trí với nội dung bà H trình bày. Thời gian bà H hỏi vay tiền ông T là khi nhà ông bà có ý định sửa chữa bổ sung nghề nghiệp để đi khai thác thủy sản và có thiếu vốn, ông có nói với vợ là bà H đi huy động vốn bên ngoài. Sau khi bà H về nói chuyện tiền lãi cho vay là 1.500đ/1 triệu/1 ngày là quá cao nên ông không đồng ý vay lãi cao như thế. Từ trước đến giờ ông không biết Bà Mai Thị L là ai và tại sao lại kiện bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án - Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 10/3/2016 bà H có đến nhà ông hỏi vay tiền về để mua sắm bổ sung nghề đi khai thác biển và sửa chữa nhà cửa, vì nể và tin tưởng vợ chồng bà H, ông C là người cùng xóm quen biết nên vợ chồng ông bà đồng ý cho vợ chồng bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, có thỏa thuận thời hạn vay là hai tháng, nghĩa vụ trách nhiệm trả nợ. Bà L (vợ ông) giao cho bà H số tiền 100.000.000 đồng sau đó bà H viết giấy biên nhận nợ viết tay giao cho bà L vợ ông giữ. Đến thời gian trả nợ vợ chồng bà H không trả nợ cho ông bà cả gốc và lãi như đã thỏa thuận, vợ chồng ông bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H trả nợ nhưng vợ chồng bà H không trả, vì vậy mà vợ chồng ông bà phải làm đơn kiện tại Tòa án, ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà H - C phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, vì ông biết vợ chồng bà H còn nợ nhiều người nên ông không yêu cầu vợ chồng bà H phải trả tiền lãi.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/TCDS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 166, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Mai Thị L kiện đòi lại tài sản đối với vợ chồng Bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Văn C là hợp pháp.

2. Buộc vợ chồng Bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Văn C phải thanh toán trả nợ cho Bà Mai Thị L, Ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 26/3/2019, Bà Vũ Thị H làm đơn kháng cáo có nội dung: Không nhất trí với các quyết định của bản án sơ thẩm vì thực tế vợ chồng bà H chưa được nhận số tiền 100.000.000 đồng và chữ “L...” trong giấy biên nhận vay nợ không phải là do bà H viết. Vì vậy đề Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định chữ “L...” trong giấy biên nhận nợ ghi ngày 10/3/2016; xem xét, đánh giá chứng cứ là giấy biên nhận nợ ghi ngày 10/3/2016 một cách khách quan, đầy đủ để xác định đúng sự thật, và tư cách khởi kiện của Bà Mai Thị L; xem xét lại việc buộc ông C cũng phải có trách nhiệm trả nợ vì thực tế chồng bà không đồng ý vay vì lãi suất quá cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Vũ Thị H, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo vì lý do: Bà H chưa nhận được tiền vay từ ông bà T- L nên không có nghĩa vụ phải trả nợ. Bà H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H đều cho rằng ông bà T- L là người cho vay nặng lãi nên có sẵn số tiền lớn (100 triệu đồng) trong nhà để cho bà H vay, khi đưa sổ cho bà H viết giấy biên nhận vay nợ thì bà H thấy có rất nhiều người đã vay tiền của ông bà T- L, đều có viết giấy vay nợ và đều ký tên dưới giấy vay nợ, thế tại sao giấy biên nhận vay nợ của bà H lại không có chữ ký của bà H ở dưới? Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H cho rằng giấy biên nhận vay nợ do bà H đã viết được coi là Hợp đồng vay tài sản bằng văn bản, nhưng do các bên chưa ký nhận ở phía dưới nên căn cứ Điều 400, Điều 401 BLDS giấy biên nhận vay nợ này chưa có giá trị về mặt pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía Nguyên đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của Bà Mai Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, vì lý do ông bà T- L đã giao đủ tiền vay cho bà H, bà H đã viết giấy biên nhận vay nợ, nên bà H phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay. Người đại diện theo ủy quyền của Bà Mai Thị L còn dẫn chứng bà H cũng đi vay nhiều người tại địa phương, cũng bằng hình thức viết giấy biên nhận vay nợ nhưng không ký tên rồi không trả nợ, cũng đã bị chủ nợ kiện ra Tòa án huyện Hải Hậu đòi nợ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo, xét giấy biên nhận vay nợ ghi ngày 10/3/2016 do bà H tự tay viết thấy rằng, có sự việc bà H đã đến nhà ông bà T- L để vay tiền, bà H không đưa ra được chứng cứ thể hiện chưa nhận được tiền vay, việc bà H không ký tên ở dưới giấy vay nợ không làm ảnh hưởng đến nội dung giấy vay nợ. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn Bà Vũ Thị H làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Mai Thị L khởi kiện yêu cầu Bà Vũ Thị H phải thanh toán số tiền đã vay trong giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016, nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo nội dung giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016 thì giao dịch dân sự phát sinh tranh chấp kể từ ngày hết thời hạn vay (10/5/2016). Căn cứ khoản 1 Điều 688; Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn, vì vậy vẫn xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Xét nội dung kháng cáo thấy:

- Về yêu cầu trưng cầu giám định chữ “L...” trong giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 29/2019/QĐ-TCGD ngày 04/6/2019 và đã có Kết luận giám định số 569/KLGD-PC09 ngày 05/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận chữ “L...” trong giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016 với mẫu chữ viết “L...” trong Biên bản lấy mẫu chữ viết của Bà Vũ Thị H không phải

do cùng một người viết ra. Như vậy có cơ sở khẳng định chữ “L...” trong giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016 không phải do Bà Vũ Thị H viết.

- Xét nội dung của giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016 thì thấy bà H đã trình bày tự tay viết “... có vay của ông bà T” - vì ông T bà L hiện đang là vợ chồng hợp pháp nên như vậy mặc nhiên hiểu rằng ông bà T ở đây là ông T bà L. Mặt khác, ông T đã có đơn trình bày số tiền 100.000.000 đồng cho bà H vay là tài sản chung của vợ chồng ông bà T - L, như vậy căn cứ Điều 186 BLTTDS bà L có đủ tư cách pháp lý là Nguyên đơn để làm đơn khởi kiện trong vụ án này.

- Xét thấy, Bà Vũ Thị H đã khai nhận do gia đình có nhu cầu tu sửa nhà cửa và mua sắm dụng cụ đánh cá, nên ngày 10/3/2016 bà đã đến nhà vợ chồng ông T, bà L hỏi vay tiền. Tại nhà ông bà T - L, Bà Vũ Thị H đã tự tay viết giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016, trong đó ghi rõ số tiền vay, thời hạn vay và trách nhiệm trả nợ. Xét tổng thể nội dung giấy “Biên nhận vay nợ” do chính tay bà H viết ra thì thấy việc bà H không ký tên ở dưới cũng như chữ “L...” không do bà H viết ra cũng không làm thay đổi nội dung giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016,

Bà H đưa ra lý do “thấy tiền lãi cao quá nên quyết định không vay nữa, sau đó đi về thì quên không cầm lại giấy “Biên nhận vay nợ” đã viết là không phù hợp với thực tế khách quan. Vì về mặt pháp lý cũng như trên thực tiễn khách quan, bà H có vay tiền thì vợ chồng ông bà T - L mới có giấy “Biên nhận vay nợ” do bà H tự tay viết, bà H không vay tiền thì vợ chồng ông bà T - L không thể có giấy “Biên nhận vay nợ” do bà H tự tay viết được.

Phía bà L ông T khẳng định bà H đã viết giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016, đã nhận đủ tiền vay, nên ông bà mới có giấy “Biên nhận vay nợ” để khởi kiện bà H ra tòa.

Trên cơ sở phân tích khách quan, logic biện chứng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật và trên diễn biến thực tế khách quan, Hội đồng xét xử nhận thấy, có đủ căn cứ pháp lý để xác định, ngày 10/3/2016 Bà Vũ Thị H đã đến nhà ông bà T - L hỏi vay tiền, bà H đã tự tay viết giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016 để vay ông bà T - L số tiền 100 triệu đồng. Bà H đã được nhận đủ số tiền vay này, thì ông bà T - L mới cầm được giấy “Biên nhận vay nợ” ghi ngày 10/3/2016.

- Về việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ cùng bà H trả nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án cả bà H và ông C đều thừa nhận là việc bà H đi vay tiền là do hai vợ chồng bàn bạc vay tiền là để sửa chữa nhà cửa và mua sắm đồ nghề làm tàu đánh cá, như vậy mục đích vay tiền là về phục vụ cho việc chi tiêu, sắm sửa trong gia đình. Do đó việc cấp sơ thẩm buộc ông C cũng phải có nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn đúng pháp luật.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Vũ Thị H.

[3] Về án phí và chi phí giám định: Do kháng cáo của Bà Vũ Thị H không được chấp nhận nên Bà Vũ Thị H phải chịu án phí và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 166, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 147, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Vũ Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Mai Thị L.

3. Buộc vợ chồng Bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Văn C phải thanh toán trả nợ cho Bà Mai Thị L, Ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng Bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Văn C phải nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

- Hoàn lại cho Bà Mai Thị L số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000295 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp theo biên lai số 0000361 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Vũ Thị H phải chịu 1.530.000 (một triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng tiền chi phí giám định (bà H đã nộp đủ cho cơ quan giám định)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS tỉnh ND
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

(Đã ký)

Vũ Thị Mai Hương